TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2669 /VNPT-ĐNG-KTĐT
V/v đăng ký bổ sung vị trí quy hoạch trạm BTS trên địa bàn TP Đà Nẵng năm 2026 (đợt 2).

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Sở Khoa Học và Công Nghệ Thành phố Đà Nẵng.

Trước tiên, Viễn thông Đà Nẵng xin gởi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hỗ trợ của Sở Khoa Học và Công Nghệ Thành phố Đà Nẵng trong suốt thời gian qua.

Thực hiện nội dung yêu cầu tại văn bản số 677/SKHCN-HTS ngày 05/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Đà Nẵng về việc báo cáo thống kê việc xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn TP. Đà Nẵng năm 2025 và kế hoạch năm 2026;

Tiếp theo văn bản số 297/VNPT-ĐAN-KTĐT ngày 06/02/2026 của Viễn Thông Đà Nẵng về việc báo cáo kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng năm 2026;

Viễn Thông Đà Nẵng xin đăng ký bổ sung quy hoạch trạm BTS như sau: tổng số vị trí đăng ký bổ sung: 30 vị trí *(chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm)*.

Vậy Viễn thông Đà Nẵng kính báo cáo Sở Khoa Học và Công Nghệ xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: KTĐT.

Số Eoffice: 773950/VBĐT

Trần Danh Việt

thanhnq.qnm.new(thanhnq.qnmnew)_NguyenQuocThanh(NguyenQuocThanh)_15:17:21 10/2026
thanhnq.qnmnew(thanhnq.qnm

Phụ lục: Danh sách bổ sung vị trí quy hoạch trạm BTS trên địa bàn TP Đà Nẵng
(kèm theo văn bản số: 2669 /VNPT-ĐNG-KTĐT ngày 20/10/2026)

STT	Địa điểm	Xã, phường, đặc khu	Tọa độ		Đặc điểm trạm		Công nghệ triển khai				Bán kính phủ sóng (m)	Dự kiến dân số phục vụ (người)	Tình trạng điện lưới (có/không)	Doanh nghiệp đăng ký
			Kinh độ	Vĩ độ	Loại trạm	Chiều cao cột Anten (m)	2G	3G	4G	5G				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Xã Đồng Dương	Xã Đồng Dương	108,29272	15,67869	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
2	Xã Trà Đốc	Xã Trà Đốc	108,046714	15,364685	A2B	36		x	x	x	500	300	có	VNPT
3	Xã Lãnh Ngọc	Xã Lãnh Ngọc	108,247877	15,435982	A2B	36		x	x	x	500	300	có	VNPT
4	Xã Tiên Phước	Xã Tiên Phước	108,373968	15,478554	A2B	36		x	x	x	500	400	có	VNPT
5	Xã Tiên Phước	Xã Tiên Phước	108,373875	15,491115	A2B	36		x	x	x	500	400	có	VNPT
6	Xã Tiên Phước	Xã Tiên Phước	108,367331	15,494452	A2B	36		x	x	x	500	400	có	VNPT
7	Xã Tiên Phước	Xã Tiên Phước	108,370197	15,482324	A2B	36		x	x	x	500	400	có	VNPT
8	Xã Tiên Phước	Xã Tiên Phước	108,363308	15,480803	A2B	36		x	x	x	500	400	có	VNPT
9	Xã Tiên Phước	Xã Tiên Phước	108,369849	15,517343	A2B	36		x	x	x	500	400	có	VNPT
10	Xã Trà Tập	Xã Trà Tập	108,07172	15,155016	A2B	36		x	x	x	500	300	có	VNPT
11	Xã Bến Hiên	Xã Bến Hiên	107,676169	15,838163	A2B	36		x	x	x	500	300	có	VNPT
12	Phường Hương Trà	Phường Hương Trà	108,490452	15,529307	A2B	25		x	x	x	500	500	có	VNPT
13	Xã Tam Anh	Xã Tam Anh	108,59585	15,51712	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
14	Phường Điện Bàn	Phường Điện Bàn	108,245127	15,882294	A2B	36		x	x	x	500	600	có	VNPT
15	Xã Đại Lộc	Xã Đại Lộc	107,96908	15,84494	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
16	Xã Sơn Cẩm Hà	Xã Sơn Cẩm Hà	108,2872	15,529968	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
17	Xã Quế Sơn	Xã Quế Sơn	108,254142	15,661305	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
18	Xã Hà Nha	Xã Hà Nha	107,93952	15,83343	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
19	Xã Tiên Sơn	Xã Tiên Sơn	108,238252	15,574187	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
20	Xã Điện Bàn Tây	Xã Điện Bàn Tây	108,202201	15,888504	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
21	Phường An Thắng	Phường An Thắng	108,223269	15,905685	A2B	25		x	x	x	500	700	có	VNPT

thanhnq.dnn.net(thanhnqdnnnew)_NguyenQuocThanh(NguyenQuocThanh)_217 21/10/2026

22	Xã Gò Nổi	Xã Gò Nổi	108,163115	15,853241	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
23	Phường Điện Bàn	Phường Điện Bàn	108,280342	15,867842	A2B	25		x	x	x	500	700	có	VNPT
24	Xã Duy Xuyên	Xã Duy Xuyên	108,263686	15,849353	A2B	36		x	x	x	500	600	có	VNPT
25	Xã Núi Thành	Xã Núi Thành	108,628816	15,422956	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
26	Xã Tam Mỹ	Xã Tam Mỹ	108,60964	15,407886	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
27	Xã Tam Mỹ	Xã Tam Mỹ	108,652022	15,417412	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
28	Xã Phú Ninh	Xã Phú Ninh	108,406354	15,445691	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
29	Xã Thạnh Bình	Xã Thạnh Bình	108,353656	15,471153	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT
30	Xã Trà My	Xã Trà My	108,263846	15,30993	A2B	36		x	x	x	500	500	có	VNPT

thanhnq.qnm.new(thanhnq.qnm.new)_NguyenQuocThanh(NguyenQuocThanh) 11:17 21/10/2026